

# BÀI DỰ THI

Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai

năm 2017



*Văn miếu Trấn Biên Đồng Nai*

**BÀI DỰ THI**  
***TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ***  
***ĐỒNG NAI NĂM 2017***

\* \* \* \*

**THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**HỌ và tên:** Hoàng Thị Cẩm Vân

**Ngày sinh:** 18/8/2000

**Giới tính:** Nữ

**Dân tộc:** Tày

**Chức vụ đoàn:** Đoàn viên

**Nghề nghiệp:** Học sinh trường THPT Sông Ray.

**Nơi thường trú:** số nhà 262, tổ 6, ấp La Hoa, xã Xuân Đông,  
huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**Số điện thoại:** 01654 436 858.

**Địa chỉ email:** [vancam011@gmail.com](mailto:vancam011@gmail.com)

# Lời mở đầu,

“Nhà Bè nước chảy chia hai  
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”

Câu hò mượt mà ấy, tôi đã nghe nhiều lần, đã ngắm, đã hiểu, đã gọi nhắc cho tôi về những địa danh trên mảnh đất quê hương mình. Thông qua cuộc thi lần này, tôi đã hiểu biết nhiều hơn về những địa danh ấy, những địa danh xưa cũ mà thế hệ học sinh chúng tôi không khỏi thắc mắc. Cảm ơn Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Nai đã tổ chức hội thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai” năm 2017, cuộc thi đã góp phần tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ chúng tôi hiểu biết nhiều hơn về con người, những chiến công, những di tích lịch sử, sự hình thành và phát triển địa lý hành chính của mảnh đất quê hương hơn 300 năm qua... Qua đó, chúng tôi thêm yêu mảnh đất mình đã được sinh ra, học tập và lớn lên... thật tự hào với những trang sử vẻ vang đó.

Qua đây, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Thư viện Trường THPT Sông Ray, gia đình, thầy cô và bạn bè đã luôn động viên và cung cấp cho tôi những tài liệu, hình ảnh để tôi hoàn thành tốt bài dự thi của mình. Trong bài thi không tránh khỏi thiếu sót, rất mong có được sự đóng góp của Ban Giám khảo để bài thi cũng như kiến thức của bản thân được hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn.

Tác giả kính bút.

***Câu 1*** : **Bạn hãy cho biết thông tin về nhân vật đã thiết lập nên hành chính trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai? Hãy trình bày những hiểu biết của bạn về địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ năm 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay ?**

**Trả lời:**

***I. Nguyễn Hữu Cảnh - một vị tướng lĩnh văn võ song toàn đã có công gây dựng nên vùng đất Biên Hòa-Đồng Nai:***

Nguyễn Hữu Cảnh (Nguyễn Hữu Kính) sinh năm 1650 tại thôn Phước Long, xã Chương Tín, huyện Phong Lộc (nay là xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình), là con thứ ba của danh tướng Nguyễn Hữu Dật. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị Thiện.

Theo các nhà nghiên cứu lịch sử thì tổ tiên của ông là Đinh Quốc Công Nguyễn Bạc - vị khai quốc công thần thời nhà Đinh, ông là cháu 9 đời của Nguyễn Trãi - vị đệ nhất khai quốc công thần thời nhà Lê. Ông nội của ông là Nguyễn Triều Văn (dòng Nguyễn Hữu, tước Triều Văn Hầu, phò triều Lê và Nguyễn Sơ). Cha là Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật, sinh nhiều con trai, trong đó có bốn người đều là tướng giỏi: Nguyễn Hữu Hào (tước Hào Lương hầu, tác giả truyện nôm Song tinh bất dạ), Nguyễn Hữu Trung (tước Trung Thắng hầu), Nguyễn Hữu Cảnh (tước Lễ Thành hầu) và Nguyễn Hữu Tín (tước Tín Đức hầu).



***Hình 1. Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700)***

Nguyễn Hữu Cảnh còn được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như Nguyễn Hữu Lễ, Nguyễn Hữu Thành, Lễ Công, Lễ Thành Hầu, Lễ Tài Hầu, Thượng Đẳng Lễ, Chương Bình Lễ; Kính, Lễ, Thành là các tên húy của ông. Trong các tên húy này, húy Kính được biết đến và dùng nhiều nhất, do lòng kính mộ công lao của ông, dân gian đọc trại húy Kính thành các âm Kiêng, Kiền, Kinh, Cảnh; húy Lễ được dùng khi triều đình phong cho ông tước Lễ Thành hầu

và trong dân gian khi đặt các tên sông hoặc đường mang tên ông; húy Thành có thể được dùng giới hạn trong dòng họ, gia phả.

Dòng dõi con nhà tướng, lớn lên trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh, lại chuyên tâm luyện tập võ nghệ, rèn luyện bản thân với niềm hy vọng lớn lao được cống hiến sức mình cho chúa Nguyễn. Bởi vậy, tuy còn trẻ, nhưng ông đã lập được nhiều chiến công, công trạng lớn đầu tiên khi chúa Nguyễn Phúc Chu vào năm 1692 phái ông làm Thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân đánh vua Chiêm là Kế Bà Tranh, bình định biên cương và đã được chúa Nguyễn Phúc Tần phong chức Cai cơ (một chức võ quan thuộc bậc cao) vào lúc tuổi độ hai mươi. Do ông sinh năm Dần lại có nước da ngăm đen, vóc dáng hùng dũng và có tài nghệ văn võ nên ông được người đương thời tôn là "Hắc Hổ". Trí thông minh cùng sự nỗ lực hết mình của bản thân, ông đã lập nên nền hành chính Nam Kỳ - một trung tâm đô hội của vùng đất phía Nam sau này.

Năm Nhâm Thân 1692, ông được phong làm Thống binh cầm quân dẹp loạn Chiêm Thành, bình định biên cương. Năm Giáp Tuất 1694, ông được thăng làm Chương Cơ, lãnh chức Trấn thủ dinh Bình Khang. Mùa thu năm Kỷ Mão (1699) vua nước Chân Lạp là Nặc Thu làm phản, Chúa Nguyễn hạ lệnh cử Trấn thủ Bình Khương Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm chức Thống binh cùng phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân sĩ từ Dinh Bình Khương, cho đóng 7 thuyền chiến thuộc binh của Quảng Nam vào Trấn Biên, hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc trấn vệ biên cương. Mùa xuân năm Canh Thìn (1700) đánh bức lũy Nam Vang và Bích Đồi. Nặc Yên, Nặc Thu phải xin hàng. Nguyễn Hữu Cảnh kéo quân về cù lao Cây Sao. Sau đó Ông bị đánh lén dẫn đến trọng thương, về tới Rạch Gầm thì mất, năm ấy ông 51 tuổi. Chúa Nguyễn phong tặng là Hiệp Tán Công Thần Đặc Tiến Chương Dinh, thụy là Trung Cần, ban cho vàng lụa để hậu táng. Năm Gia Long thứ 4 (1805) tặng là Tuyền Lực Công Thần Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Cẩm y vệ Đô Chỉ Huy Sứ Ty Đô Chỉ Huy Sứ, Đô Đốc Phủ Chương Phủ Su Phó Tướng Chương Cơ, liệt vào hàng Thượng Đẳng Thần, Minh Mạng thứ 12 (1831) tặng Thần Cơ Dinh Đô Thống Chế, Vĩnh An Hầu.

Hiện nay lăng mộ Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh nằm trên một ngọn đồi rộng của dãy núi An Mã, thuộc xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Để tưởng nhớ công đức của Chương cơ Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, nơi quê hương cũng như nơi ông đến an dân, Nhân dân vùng đất mới khai phá, người Việt cũng như người Hoa, Chăm... đều nhớ ơn ông- người đã giúp họ khai hoang- mở đất- an cư- lạc nghiệp và đã lập đền thờ hoặc lập bài vị ông ở nhiều nơi: Nam Vang (Cam- pu- chia), Quảng Bình, Quảng Nam, Biên Hòa, Long

Xuyên, Châu Đốc... nhân dân đều lập đền thờ hoặc lập bài vị ông, như ở Nam Vang (Campuchia), Quảng Bình, Quảng Nam, Đình Minh Hương Gia Thạch, quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Ô Môn (Cần Thơ)... Khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, nhân dân Biên Hoà - Đồng Nai thương kính, tỏ lòng biết ơn đã đồng tâm cải đình Bình Hoà thành đình Bình Kính trang nghiêm thờ ông. Nơi huyền táng linh cửu ông, người dân xây mộ để tưởng vọng ông. Đền thờ ông ngày nay còn gọi là Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh hay đình Bình Kính ở Cù lao Phố (xã Hiệp Hoà, thành phố Biên Hoà). Hằng năm, vào ngày 16 tháng 5, người dân tổ chức lễ kỷ niệm ngày mất của ông rất long trọng. Nguyễn Hữu Cảnh được lòng dân Biên Hoà - Đồng Nai tôn thờ như một vị phúc thần của làng xã, được tôn kính là “bậc tiền hiền của các bậc tiền hiền”. Đối với vùng đất Biên Hoà - Đồng Nai, công ơn của Nguyễn Hữu Cảnh thật sâu đậm, được người dân ca ngợi minh tường:

*“Định rừng núi sông, lương dân đều được hưởng  
Mở mang bờ cõi, thiên hạ thấy chung nhờ”.*

(nội dung câu đối thờ tại di tích)



**Hình 2. Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh tại xã Hiệp Hoà, thành phố Biên Hoà.**

Ngoài ra, tên của ông được đặt làm tên đường phố, trường học tại rất nhiều địa phương: Ở thành phố Châu Đốc có đường Chương Bình Lễ, tại TP. Hồ Chí Minh đường Nguyễn Hữu Cảnh nằm ở Quận Bình Thạnh, trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh ở Đồng Nai...



**Hình 3. Đường Nguyễn Hữu Cảnh (TP. Hồ Chí Minh).**



**Hình 4. Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh (An Giang).**

Văn thơ ca ngợi, truyền tụng công đức Nguyễn Hữu Cảnh còn lưu giữ khá nhiều, trích đoạn:

*Từ ngày vâng lệnh Trấn Bình Khương,  
Bờ cõi mở thêm mấy dặm trường,  
Vun bón cột nền nơi tổ phụ  
Dãi dầu tên đạn giúp quân vương  
Giặc ngoài vừa nép bên màn hổ  
Sao tướng liền sa giữ giọt sương!*

(Bài thơ đặt nơi sắc phong tại đền Lễ Công ở Châu Phú)



*Hình 5: Đình Công Trú (An Giang).*



*Hình 6: Đình thờ Nguyễn Hữu Cảnh tại thị trấn Chợ Mới.*



**\* Nguyễn Hữu Cảnh - Năm Mậu Dần lịch sử của xứ Đồng Nai:**



**Hình 7. Hình ảnh Cù Lao Phố nay (ảnh sưu tầm)**

Tháng 2 năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn phong Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất kinh lược xứ Đồng Nai. Nguyễn Hữu Cảnh đi ngược dòng Đồng Nai, đến đóng đại bản doanh ở Cù lao Phố. Thuở ấy xứ Đồng Nai toàn là rừng núi âm u, sông rạch thì chằng chịt, mãnh thú, ác ngư đầy rẫy...

Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã đưa ra nhiều kế sách: Khai hoang mở cõi, dàn xếp biên cương, thiết lập cơ quan hành chính địa phương, lập phủ Gia Định và chính thức cho sáp nhập vùng đất cực Nam này vào bản đồ Đại Việt... Chỉ trong một thời gian ngắn, vùng Đồng Nai - Bến Nghé đã nhanh chóng trở nên trù phú, rộng lớn.

Danh tướng Nguyễn Hữu Cảnh với chuyến kinh lược năm Mậu Dần lịch sử Năm 1698, trở thành một mốc lịch sử quan trọng đối với vùng đất Nam bộ nói chung và Đồng Nai nói riêng. Đó là khởi điểm cho một vùng đất chính thức hóa trong sự quản lý của một thể chế nhà nước mà cụ thể là sáp nhập vào xứ Đàng Trong thời các chúa Nguyễn.

Những ghi chép trong tác phẩm “Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức cho biết: “Mùa xuân năm Mậu Dần (1698) đời vua Hiến Tông Hiếu Minh hoàng đế sai Thống suất Chưởng cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh sang kinh lược Cao Miên, lấy đất Nông, Nại đặt làm Gia Định phủ, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức Lưu thư, Cai bộ và Ký lục để quản trị, nha thuộc có hai ty xá, lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh để hộ vệ. Đất đai mở rộng 1.000 dặm, dân số hơn 4 vạn hộ, chiêu mộ lưu dân từ Bắc Chính Châu trở vào Nam đến ở khắp nơi; đặt ra phường, ấp, xã, thôn; chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh điền và lập bộ tịch đinh điền. Từ đó, con cháu người tâu ở nơi Trấn Biên thì lập xã Thanh Hà, ở nơi Phiên Trấn thì lập xã Minh Hương rồi ghép vào sổ hộ tịch”.

Mặc dầu sử sách ghi chép vắn tắt, song chắc chắn rằng những công việc mà thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thực thi trong chuyến kinh lược đầy phức tạp, khó khăn, có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thiết thực cho công việc quản lý, phát triển vùng đất mới ở Phương Nam của đất nước. Với tầm nhìn chiến lược, định hướng phát triển bằng những cụ thể về hành chính, kinh tế, quân sự, chính sách an dân, hòa hợp với lợi ích dân tộc... Nguyễn Hữu Cảnh là người có công lao to lớn trong việc hoàn tất về mặt pháp lý trước một sự thế: “Dân khai mở trước, nhà nước quản lý sau” ở vùng Đồng Nai - Gia Định, mở mang biên cương, lãnh thổ nước Việt trong một thời kỳ lịch sử đầy biến động vào nửa cuối thế kỷ XVII.

Công việc thiết lập bộ máy hành chính đối với việc lập bộ đình, bộ điền. Chắc chắn lần kinh lược Đồng Nai với những nhiệm vụ quan trọng này, thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thực hiện nhiều công việc phức tạp, khó khăn như: tìm hiểu về thiên nhiên (địa lý, địa hình, đất đai, ao hồ, đường sá...), nhân văn (dân cư, mật độ phân bố từng vùng, thành phần dân tộc, xã hội...) để phân định ranh giới hành chính, thiết lập các đơn vị tương ứng để quản trị và đặt dựng các đồn tuần, cửa tán để bảo vệ. Trước đây, người dân được tự do khai khẩn, trung chiếm ruộng đất, chưa lập làng xóm thì Nguyễn Hữu Cảnh tiến hành thiết lập phường ấp, xã thôn, ranh giới địa phận được chia cắt, quy định việc khai khẩn, chuẩn định thuế đình, điền và lập sổ bộ, chấm dứt một thời lưu dân tự phát, tự quản đưa vào khung quy định của pháp luật. Không những khuyến khích những người dân vốn đã sinh sống trên vùng Đồng Nai - Gia Định khai khẩn ruộng đất, Nguyễn Hữu Cảnh còn chiêu mộ thêm dân từ Châu Bộ Chính trở vào Nam đến ở và phân chiếm đất đai, tăng diện tích canh tác để việc vùng đất đầy tiềm năng kinh tế đi lên, tạo điều kiện phát triển thực lực của chúa Nguyễn về phía Nam. Nguyễn Hữu Cảnh còn xây dựng một lực lượng quân sự khá chính quy cho vùng đất mới. Mỗi dinh đều tổ chức lực lượng tinh nhuệ gồm cơ, đội thuyền thủy bộ có quân đội chính quy nhà Nguyễn và lực lượng địa phương để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và chính thức quản lý.

Vùng đất Đồng Nai - Gia Định vào thế kỷ XVI vẫn còn hoang sơ và một số tộc người bản địa sống thưa thớt. Từ cuối thế kỷ XVI, vùng đất này mới trở nên sôi động khi có sự xuất hiện của nhiều luồng di dân Việt từ vùng Thuận - Quảng tìm đến. Bên cạnh sự có mặt của lưu dân Việt, còn có sự có mặt của nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên xin chúa Nguyễn cho phép định cư vào năm 1679. là thực hiện chính sách an dân, hòa hợp vì lợi ích dân tộc. Trên vùng đất Đồng Nai thời điểm lúc bấy giờ, ngoài số lượng dân Việt chiếm đông đảo còn có cả người Hoa, một số tộc người thiểu số. Nguyễn Hữu Cảnh lập ra đơn vị hành chính riêng để ổn định, tạo thuận lợi cho họ yên tâm xây dựng cuộc sống.

Với cương vị và nhiệm vụ được chúa Nguyễn giao phó kinh lược phương Nam, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã tỏ ra là một con người có tài thao lược, thực hiện xuất sắc ý định của chúa Nguyễn: nhanh chóng tạo nên sự ổn định, xác lập chủ quyền với vùng đất mới Đồng Nai - Gia Định. Những việc làm của Nguyễn Hữu Cảnh cho thấy ông là một người có công trong việc khai sáng ra xứ Đồng Nai. Công lao to lớn ấy không chỉ là việc “tổ chức và sắp xếp lại giềng mối” mà còn thể hiện những chính sách về mọi mặt chính Nguyễn Hữu Cảnh thực hiện: an dân, khuyến khích khai khẩn đất đai, ổn định xã hội... để không lâu sau đó, vùng rừng núi, sông rạch Đồng Nai trở mình, tràn đầy sức sống với phố xá, làng mạc trù phú. Những việc làm của Nguyễn Hữu Cảnh là những nhân tố cơ bản, cần thiết thúc đẩy sự chuyển biến về kinh tế, xã hội, chính trị của đất Đồng Nai - Gia Định.

Những việc làm của Nguyễn Hữu Cảnh là những nhân tố cơ bản, cần thiết thúc đẩy sự chuyển biến về kinh tế, xã hội, chính trị của đất Đồng Nai - Gia Định. Đồng thời, sau khi thiết lập bộ máy cai trị, bằng các biện pháp quân sự và chính trị, Nguyễn Hữu Cảnh đã đặt nền tảng cơ bản, biến vùng đất mới của tổ quốc thành chỗ dựa vững chắc cho các chúa Nguyễn tồn tại và đứng vững trong cuộc tranh chấp với Đàng Ngoài, chống lại phong trào Tây Sơn và cuối cùng thiết lập nên vương triều Nguyễn vào đầu thế kỷ XIX.



**Hình 8,9: Tượng đài Nguyễn Hữu Cảnh.**

Nguyễn Hữu Cảnh đã góp phần quan trọng trong tiến trình Nam tiến lịch sử thời các chúa Nguyễn. Đối với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, công ơn của Nguyễn Hữu Cảnh thật sâu đậm. Ông xứng đáng được nhân dân tôn kính là Đệ nhất công thần xứ Đồng Nai. Gần 320 năm tính từ năm Mậu Dần lịch sử ấy, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung đã có nhiều thay đổi, biến chuyển và phát triển, nhân vật Nguyễn Hữu Cảnh đã để lại dấu ấn sâu đậm của mình...

Công lao Nguyễn Hữu Cảnh- vị tướng khai biên xuất sắc, nhà chính trị tài giỏi, nhân hậu, yêu quê hương, đất nước tha thiết. Công đức và nhân cách của ông ấn động sâu sắc trong tiềm thức của người dân và mãi mãi được lưu truyền hậu thế. Vùng đất mới mở rộng mãi mãi là một phần đất của nước Việt, chủ quyền lãnh thổ của nước Việt Nam được khẳng định. Thế hệ con cháu chúng ta hôm nay và mai sau luôn có ý thức phấn đấu hết sức mình gìn giữ, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ; xây dựng nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh.



**Hình 10: Lăng mộ Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại tỉnh Quảng Bình**



**Hình 11: Đền thờ Đức Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.**

## **II. Địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ năm 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay:**

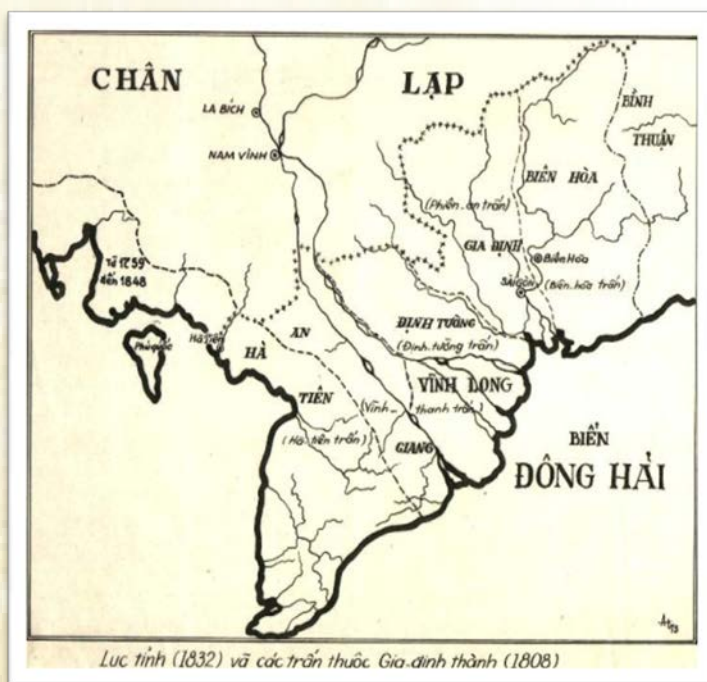
### **1. Từ năm 1698 – 1859: Biên Hòa – Đồng Nai những năm đầu khởi dựng:**

Năm Mậu Dần (1698) khi chúa Nguyễn sai Thống suất Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý phương Nam, đưa vùng đất Đồng Nai (lúc này, từ Đồng Nai hay vùng đất Đồng Nai là ám chỉ cả một vùng Nam Bộ rộng lớn của bây giờ) vào lãnh thổ cai quản của Chúa Nguyễn, sự kiện này là cột mốc đánh dấu lịch sử hành chính của Đồng Nai. Trước đó, một số ít người dân đã sinh sống ở đây không biết tự khi nào nhưng với tính chất tự phát. Nguyễn Hữu Cảnh đặt vùng đất mới thành phủ Gia Định, chia làm 2 huyện: huyện Phước Long (Đồng Nai) và huyện Tân Bình. Năm 1715, Chúa Nguyễn Phước Châu sai trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Nguyễn Khánh Đức lập Văn miếu ở thôn Bình Thành - Tân Lại (nay là Văn miếu Trấn Biên) thể hiện địa thế không chỉ về kinh tế mà còn về chính trị, văn hóa.

Nhiều tài liệu ghi chép lại vùng này trước kia hươu nai chiếm số lượng lớn, sống thành bầy, tìm đồng cỏ, trảng, ở ven sông phơi mình ăn lá cây, uống nước ngọt... Bởi thế địa danh “Đồng Nai” xuất hiện theo ý nghĩa của nó, đầu tiên bằng chữ Nôm và Quốc Ngữ vào năm 1772 (theo từ điển Việt La của ông Pigneau de Béhaine). Trong sách Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn có ghi: “Chợ Lộc Dã ở phía nam hạ lưu Phước Long (sông Đồng Nai, NV chú) huyện Phước Chánh, nguyên xưa là cánh đồng hươu nai ở, nên đặt tên ấy, hoặc gọi Lộc động, tục danh chợ Đồng Nai cũng là chỗ này. Xét sáu tỉnh Gia Định mà thông xưng là Đồng Nai, vì khi đầu khai thác từ chỗ Đồng Nai mà trước hết, nên cứ chỗ gốc cũng gồm đủ chỗ ngọn”. Ngoài ra, còn có các địa danh như: Hang Nai, Nhà Nai, Hồ Nai, ... (do truyền miệng), hay Long Thành, Phước Long, Phước Tuy, Biên Hòa, Tân Uyên, Tân Ba,... có lẽ do các quan chức triều đình nhà Nguyễn đặt làm danh hiệu hành chính.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, làm chủ vùng đất Trấn Biên, Gia Định, đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, Trấn Biên dinh thành Biên Hòa trấn. Năm 1808, đổi trấn Gia Định ra Gia Định Thành thống quản trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên.

Địa danh Trấn Biên Hòa tồn tại từ năm 1808 đến năm 1832 thì được vua Minh Mạng đổi thành tỉnh Biên Hòa (1832-1861). Năm 1837, lập thêm hai phủ Phước Tuy và Phước Long. Phủ Phước Long gồm 2 huyện Phước Chính, Bình An và kiêm nhiếp 02 huyện Phước Bình, Ngãi An. Phủ Phước Tuy gồm huyện Long Thành và Phước An và kiêm nhiếp huyện Long Khánh. Tỉnh Biên Hòa lúc này là một trong 6 tỉnh của Nam Kỳ (Nam Kỳ lục tỉnh) có địa giới hành chính rất rộng với tổng diện tích lên đến trên 17.000 km<sup>2</sup>, bao gồm vùng đất các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Dương và một phần thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.



**Hình 12. Lục tỉnh (1832) và các trấn thuộc Gia Định thành (1808) (ảnh sưu tầm)**

Đến năm 1840, tỉnh Biên Hòa đặt thêm bốn phủ là Tân Định, Tân Bình, Tân Lợi và Tân Thuận. Năm 1851, Vua Tự Đức nhập hai huyện Phước Bình và Long Khánh vào các phủ Phước Long và Phước Tuy. Tỉnh Biên Hòa lúc này gồm 2 phủ, 4 huyện, 8 tổng, 307 thôn, xã, phường. Vùng đất phương Nam hoang hóa, xa xôi, sau hơn một thế kỷ đã phát triển sôi động.

## **2. Từ năm 1859 – 1954: Vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trong thời kỳ thực dân Pháp xâm lược:**

Cơ cấu hành chính từ năm 1851 được duy trì một thời gian thì bị xáo trộn bởi đất nước rơi vào họa xâm lăng của thực dân Pháp.

Ngày 17/02/1859, thực dân Pháp đưa quân chiếm Cần Giò và tiến đánh Gia Định. Ngày 18/12/1861, thành Biên Hòa rơi vào tay Pháp. Quân Pháp vẫn sử dụng



địa giới phân chia tỉnh của triều Nguyễn có từ năm 1832. Đến năm 1862, triều đình Nguyễn ký hòa ước Nhâm Tuất (ngày mùng 5 tháng 6) nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường cho Pháp.

Năm 1864, ba tỉnh miền Đông Nam bộ bị thực dân Pháp chia thành 7 tiểu khu chỉ huy. Tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tiểu khu Biên Hòa và Bà Rịa.

Năm 1865, Pháp chia miền Đông Nam bộ thành 13 sở Tham biện (sở Thanh tra), tỉnh Biên Hòa chia thành 5 sở, gồm: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành, Bảo Chánh.

Năm 1866, quân Pháp tiếp tục chia miền Đông Nam bộ thành 13 địa hạt, trong đó tỉnh Biên Hòa bị chia làm các địa hạt như: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức, Bảo Chánh.

Năm 1867, sau khi chiếm trọn 6 tỉnh Nam Kỳ, Pháp chia địa bàn nam Kỳ thành 24 địa hạt Thanh tra. Tỉnh Biên Hòa chia ra làm 5 địa hạt: Biên Hòa, Bà Rịa, Bình An, Long Thành, Ngã An.

Ngày 20 tháng 12 năm 1899, toàn quyền Đông Dương ra nghị định đổi các hạt Tham biện thành tỉnh. Tỉnh Biên Hòa thành lập trên cơ sở địa hạt Biên Hòa.

Năm 1901, tỉnh lỵ Biên Hòa đặt tại xã Bình Trước (tức Biên Hòa ngày nay) gồm 15 tổng, 151 làng. Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên và núi Bà Rá.

**\* Từ năm 1945 - 1954:** do chiến tranh, địa giới tỉnh nhiều lần thay đổi, chia tách và sáp nhập với các tỉnh khác dưới hai chế độ chính quyền lúc bấy giờ:

- Về phía chính quyền cách mạng:

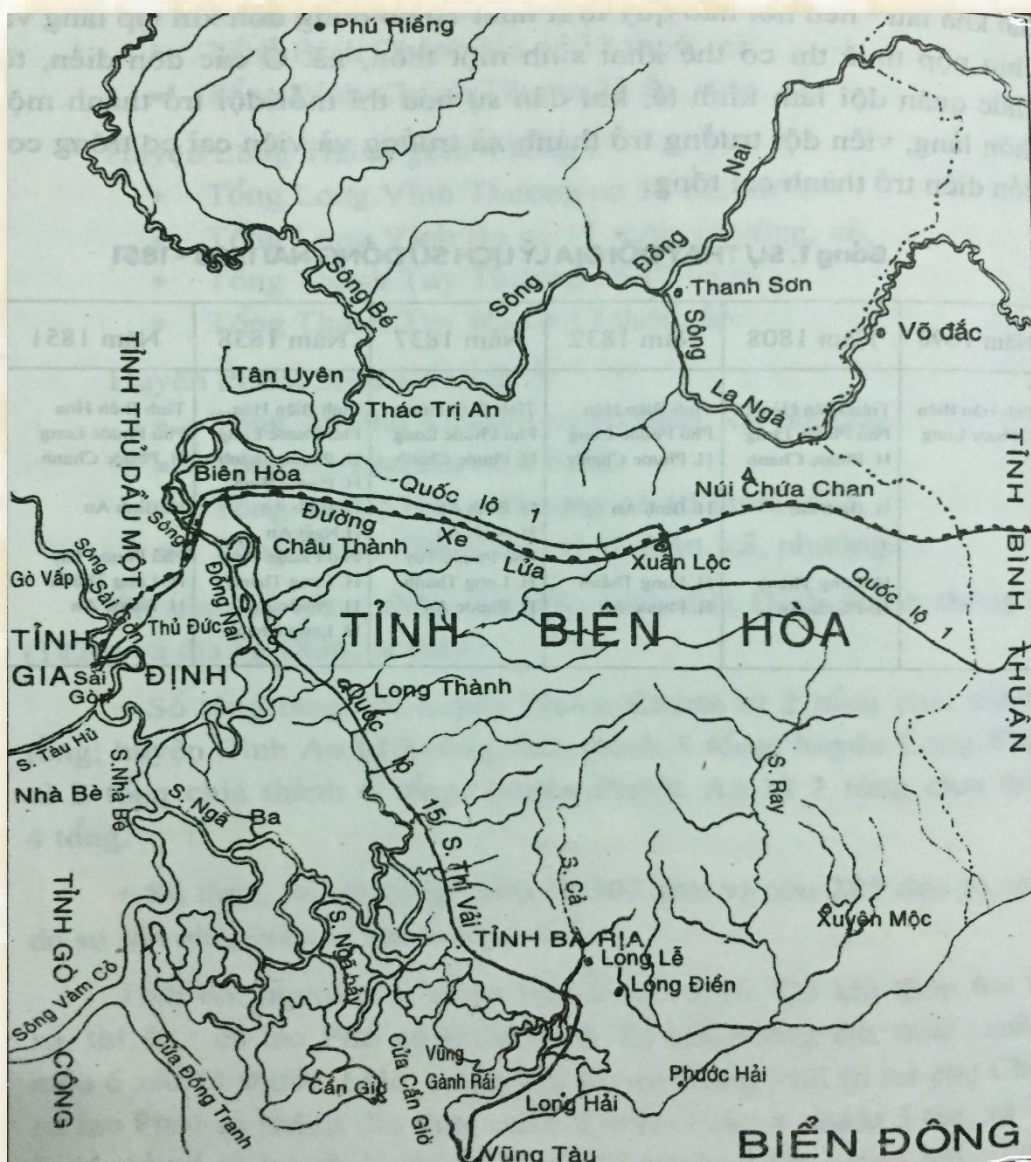
Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Ủy ban hành chính tỉnh Biên Hòa được thành lập, địa lý hành chính cơ bản được giữ nguyên, chỉ không có cấp tổng.

Tháng 5/1954, Trung ương cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam bộ, gồm phân liên khu miền Đông và phân liên khu miền Tây, sáp nhập một số tỉnh lại. Tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên, thuộc phân liên khu miền Đông. Tỉnh Thủ Biên có hai thị xã: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và 7 huyện: Hớn Quản, Bến Cát, Lái Thiêu, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Thủ Đức. Huyện Long Thành về tỉnh Bà – Chợ. Tỉnh Thủ Biên tồn tại đến tháng 4 năm 1955.



- Về phía chính quyền thực dân:

Tỉnh Biên Hòa vẫn giữ nguyên cơ cấu như giai đoạn trước. Trong năm 1951, quận Bà Rá đổi thành quận sông Bé và cắt về tỉnh Thủ Dầu Một. Đến năm 1953 quận Bà Rá lại chia đôi, thành hai quận Sông Bé và Bù Đốp (thuộc tỉnh Thủ Dầu Một).



**Hình 14. Bản đồ tỉnh Biên Hòa dưới thời cai trị của thực dân Pháp.**

### 3. Từ năm 1954 – 1975: Vùng đất Biên Hòa-Đồng Nai – Thời kỳ đế quốc Mỹ xâm lược:

#### - Về phía chính quyền cách mạng:

Kết quả kháng chiến chống Pháp ở cả chiến trường Nam bộ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ.

Từ 4/1955 chính quyền cách mạng đã nhiều lần tách nhập tỉnh Biên Hòa với các tỉnh Thủ Dầu Một, Bà Rịa - Long Khánh, với các tên gọi: Biên Hòa, Long Khánh, Thủ Biên, Bà Biên, Bà Rịa - Long Khánh, U1 (một đơn vị chiến trường ngang cấp tỉnh được thành lập tháng 9/1965 gồm thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu, đến tháng 10/1967 có thêm huyện Trảng Bom), phân khu 4, phân khu Thủ Biên, tỉnh Tân Phú.

Tháng 7/1961, chia tách tỉnh Thủ Biên thành tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành. Từ tháng 3/1963 tỉnh Biên hòa trực thuộc tỉnh Bà Biên do chính quyền hợp nhất 3 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh thành tỉnh Bà Biên và tồn tại đến tháng 12/1963 đến năm 1964 chính quyền cách mạng lại chia tách tỉnh Bà Biên thành 3 tỉnh như năm 1963.

Năm 1965, chính quyền cách mạng chia tách tỉnh Biên Hòa thành 2 đơn vị hành chính là Biên hòa U1 trực thuộc trung ương cục miền Nam và U3 (tỉnh Biên Hòa nông thôn).



Hình 15: Tỉnh Biên Hòa (1956 – 1975).

Tháng 10/1967, chuẩn bị chiến trường cho cuộc Tổng công kích và nổi dậy xuân Mậu thân, chính quyền cách mạng bố trí các đơn vị hành chính như sau: sáp nhập huyện Trảng Bom của tỉnh Biên Hòa nông thôn vào tỉnh Biên Hòa U1. Năm 1971, chiến trường được bố trí lại thành hai phân khu: phân khu Bà Rịa và phân khu Thủ Biên. Tháng 10/1972, thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam, các phân khu bị giải thể, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và tỉnh Biên Hòa được lập lại.

Tháng 6/1973, tỉnh Biên Hòa được tách thành hai đơn vị ngang cấp tỉnh: Biên Hòa nông thôn gồm các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Duyên Hải, Cao Su; Biên Hòa đô thị được gọi là Thành phố Biên Hòa. Tháng 10/1973 Trung ương cục thành lập tỉnh Tân Phú (tỉnh căn cứ), gồm các huyện Tân Uyên, Phú Giáo và Định Quán (tỉnh này tồn tại cho đến khi lập tỉnh Đồng Nai).

Về phía chính quyền Việt Nam Cộng hòa (chính quyền Sài Gòn).

Về phía chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956 Tổng thống ra Sắc lệnh 143-NV để “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn – Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”: chia tỉnh Biên Hòa thành 4 tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một), Bình Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một).

Ngày 23/01/1959, tách một phần đất quận Tân Uyên, cùng phần đất của các tỉnh khác lập tỉnh Phước Thành. Khi đó tỉnh Biên Hòa phía đông giáp tỉnh Long Khánh, phía đông nam giáp tỉnh Phước Tuy, phía bắc giáp tỉnh Phước Thành, phía tây và tây nam giáp hai tỉnh Gia Định và Bình Dương.

Ngày 9/9/1960, chính quyền Sài Gòn thành lập quận Nhơn Trạch, (dựa trên cơ sở đất thuộc quận Long Thành) và nhập 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giờ (tỉnh Phước Tuy) vào tỉnh Biên Hòa. Ngày 22/3/1963, thành lập quận mới Công Thanh thuộc tỉnh Biên Hòa. Lúc này, tỉnh Biên Hòa có 8 quận là Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành, Nhơn Trạch, Quảng Xuyên, Cần Giờ (bãi bỏ cấp tổng).

Ngày 17/11/1965, cắt 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giờ thuộc tỉnh Biên Hòa nhập về tỉnh Gia Định. Tỉnh Biên Hòa còn 6 quận. Tỉnh Biên Hòa tồn tại đến tháng 4/1975 (theo công báo VNCH).

**4. Từ 1975 đến nay: Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai sau ngày giải phóng và xây dựng địa giới hành chính**

Chiến thắng trong chiến dịch Mùa Xuân năm 1975 vào lúc 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4 lịch sử, lá cờ Tổ quốc được nữ đồng chí Trương Thị Sáu treo cao ở Tòa hành chính ngay ở thị xã Biên Hòa. Từ đây, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai cùng cả nước sống trong hòa bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Năm 1976, chính quyền mới hợp nhất tỉnh Biên Hòa, tỉnh Long Khánh và tỉnh Phước Tuy thành tỉnh Đồng Nai, tỉnh lỵ là thị xã Biên Hòa được nâng cấp thành thành phố Biên Hòa - đô thị loại 3, trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Khi hợp nhất, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và 9 huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Xuyên Mộc.

Tháng 7/1976, huyện Cao Su giải thể, một phần sáp nhập với huyện Xuân Lộc, một phần được nhập về khu Kỹ nghệ.

- Ngày 29/12/1978, theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VI chuyển huyện Duyên Hải (nay là huyện Cần Giờ) về thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

- Ngày 09/12/1982, theo Quyết định số 193.HĐBT thành lập huyện Trường Sa, trước đây vốn thuộc huyện Long Đất (Đồng Nai). Huyện Trường Sa bào gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa.

- Ngày 28/12/1982, theo Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4, sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh (sau này thuộc tỉnh Khánh Hòa).

- Ngày 23/12/1985, Quyết định 284-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng chuyển huyện Vĩnh Cửu thành thị xã Vĩnh An.

Về phía chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956 Tổng thống ra Sắc lệnh 143-NV để “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn – Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”: chia tỉnh Biên Hòa thành 4 tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một), Bình Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một).

Ngày 23/01/1959, tách một phần đất quận Tân Uyên, cùng phần đất của các tỉnh khác lập tỉnh Phước Thành. Khi đó tỉnh Biên Hòa phía đông giáp tỉnh Long Khánh, phía đông nam giáp tỉnh Phước Tuy, phía bắc giáp tỉnh Phước Thành, phía tây và tây nam giáp hai tỉnh Gia Định và Bình Dương.

Ngày 9/9/1960, chính quyền Sài Gòn thành lập quận Nhơn Trạch, (dựa trên cơ sở đất thuộc quận Long Thành) và nhập 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giờ (tỉnh Phước Tuy) vào tỉnh Biên Hòa. Ngày 22/3/1963, thành lập

quận mới Công Thanh thuộc tỉnh Biên Hòa. Lúc này, tỉnh Biên Hòa có 8 quận là Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành, Nhơn Trạch, Quảng Xuyên, Cần Giờ (bãi bỏ cấp tổng).

Ngày 17/11/1965, cắt 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giờ thuộc tỉnh Biên Hòa nhập về tỉnh Gia Định. Tỉnh Biên Hòa còn 6 quận. Tỉnh Biên Hòa tồn tại đến tháng 4/1975 (theo công báo VNCH).

#### **4. Từ 1975 đến nay: Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai sau ngày giải phóng và xây dựng địa giới hành chính.**

Chiến thắng trong chiến dịch Mùa Xuân năm 1975 vào lúc 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4 lịch sử, lá cờ Tổ quốc được nữ đồng chí Trương Thị Sáu treo cao ở Tòa hành chính ngay ở thị xã Biên Hòa. Từ đây, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai cùng cả nước sống trong hòa bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.



**Hình 16: Nhân dân TP. Biên Hòa mừng ngày giải phóng 30/4/1975 ngay trước Công trường Sông Phố.**

Năm 1976, chính quyền mới hợp nhất tỉnh Biên Hòa, tỉnh Long Khánh và tỉnh Phước Tuy thành tỉnh Đồng Nai, tỉnh lỵ là thị xã Biên Hòa được nâng cấp thành thành phố Biên Hòa - đô thị loại 3, trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Khi hợp nhất, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và 9 huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Xuyên Mộc.

- Tháng 7/1976, huyện Cao Su giải thể, một phần sáp nhập với huyện Xuân Lộc, một phần được nhập về khu Kỹ nghệ.

- Ngày 29/12/1978, theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VI chuyển huyện Duyên Hải (nay là huyện Cần Giò) về thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

- Ngày 09/12/1982, theo Quyết định số 193.HĐBT thành lập huyện Trường Sa, trước đây vốn thuộc huyện Long Đất (Đồng Nai). Huyện Trường Sa bao gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa.

- Ngày 28/12/1982, theo Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4, sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh (sau này thuộc tỉnh Khánh Hòa).

- Ngày 23/12/1985, Quyết định 284-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng chuyển huyện Vĩnh An thành thị xã Vĩnh An.

- Ngày 10/4/1991, Quyết định 107-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện: Xuân Lộc và Long Khánh; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện: Tân Phú và Định Quán.

- Năm 1991, tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm: thành phố Biên Hòa (tỉnh lỵ), thị xã Vĩnh An và 9 huyện: Châu Thành, Định Quán, Long Đất, Long Khánh, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc, Xuyên Mộc.

- Ngày 12/8/1991, kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII ra Nghị quyết chia tỉnh Đồng Nai thành 2 tỉnh: Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vĩnh An và 6 huyện: Định Quán, Long Khánh, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gồm thành phố Vũng Tàu và 4 huyện: Châu Thành, Côn Đảo, Long Đất, Xuyên Mộc.

- Quyết định 219-TTg ngày 10 tháng 05 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Biên Hòa là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 23/6/1994, Nghị định 51-CP của Chính phủ chia huyện Long Thành thành 2 huyện: Long Thành và Nhơn Trạch. Cùng năm, điều chỉnh địa giới một số xã thuộc huyện Định Quán.

- Ngày 29/8/1994, Nghị định 109-CP của Chính phủ giải thể thị xã Vĩnh An để thành lập lại huyện Vĩnh Cửu.

- Ngày 21/8/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2003/NĐ-CP, thành lập thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc thị xã Long Khánh, thành lập các huyện Cẩm Mỹ, Trảng Bom.

- Ngày 05 tháng 02 năm 2010, Nghị quyết số 05/NQ-CP của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Long Thành để mở rộng địa

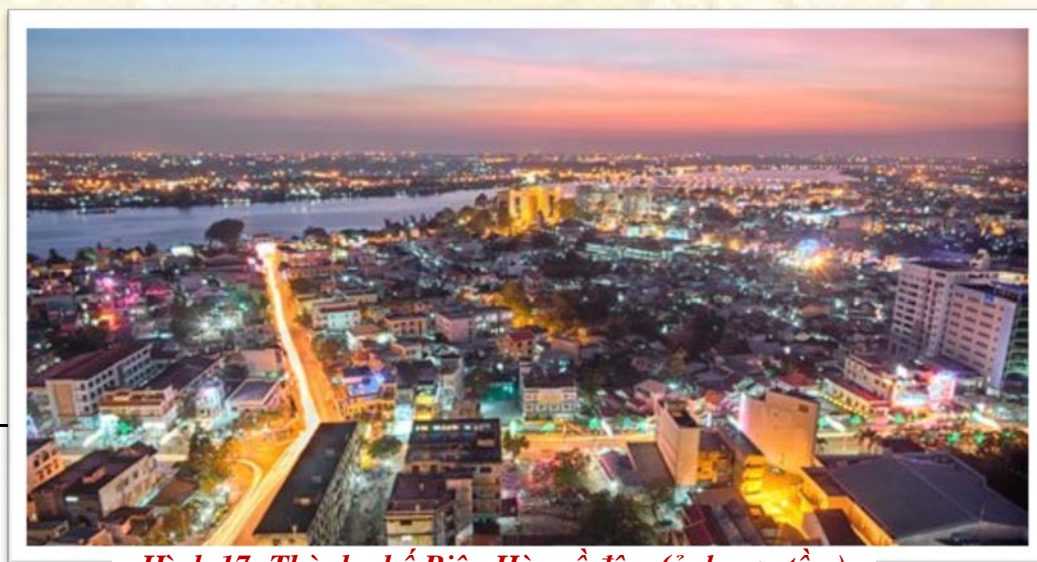
giới hành chính thành phố Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai

- Năm 2014, thị xã Long Khánh và huyện Xuân Lộc được công nhận là 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới đầu tiên của cả nước.

- Quyết định 2488/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Biên Hòa là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

*\* Đồng Nai là tỉnh nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ của Việt Nam, vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực nam Trung Bộ và nam Tây Nguyên. Tỉnh Đồng Nai nằm ở cực bắc miền Đông Nam Bộ, có tọa độ địa lý từ 10°30'03” đến 11°34'57” vĩ độ Bắc và từ 106°45'30” đến 107°35'00” kinh độ Đông; có diện tích 5.862,37 km<sup>2</sup>, bằng 1,76% diện tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước.*

*Đồng Nai giáp các tỉnh: phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh; phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.*



**Hình 17: Thành phố Biên Hòa về đêm (ảnh sưu tầm)**

***Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có 11 huyện, thị, thành gồm:***

- ***Thành phố Biên Hòa***
- ***Thị xã Long Khánh***
- ***Huyện Long Thành***
- ***Huyện Nhơn Trạch***
- ***Huyện Cẩm Mỹ***
- ***Huyện Xuân Lộc***
- ***Huyện Trảng Bom***
- ***Huyện Tân Phú***
- ***Huyện Định Quán***
- ***Huyện Thống Nhất***
- ***Huyện Vĩnh Cửu.***

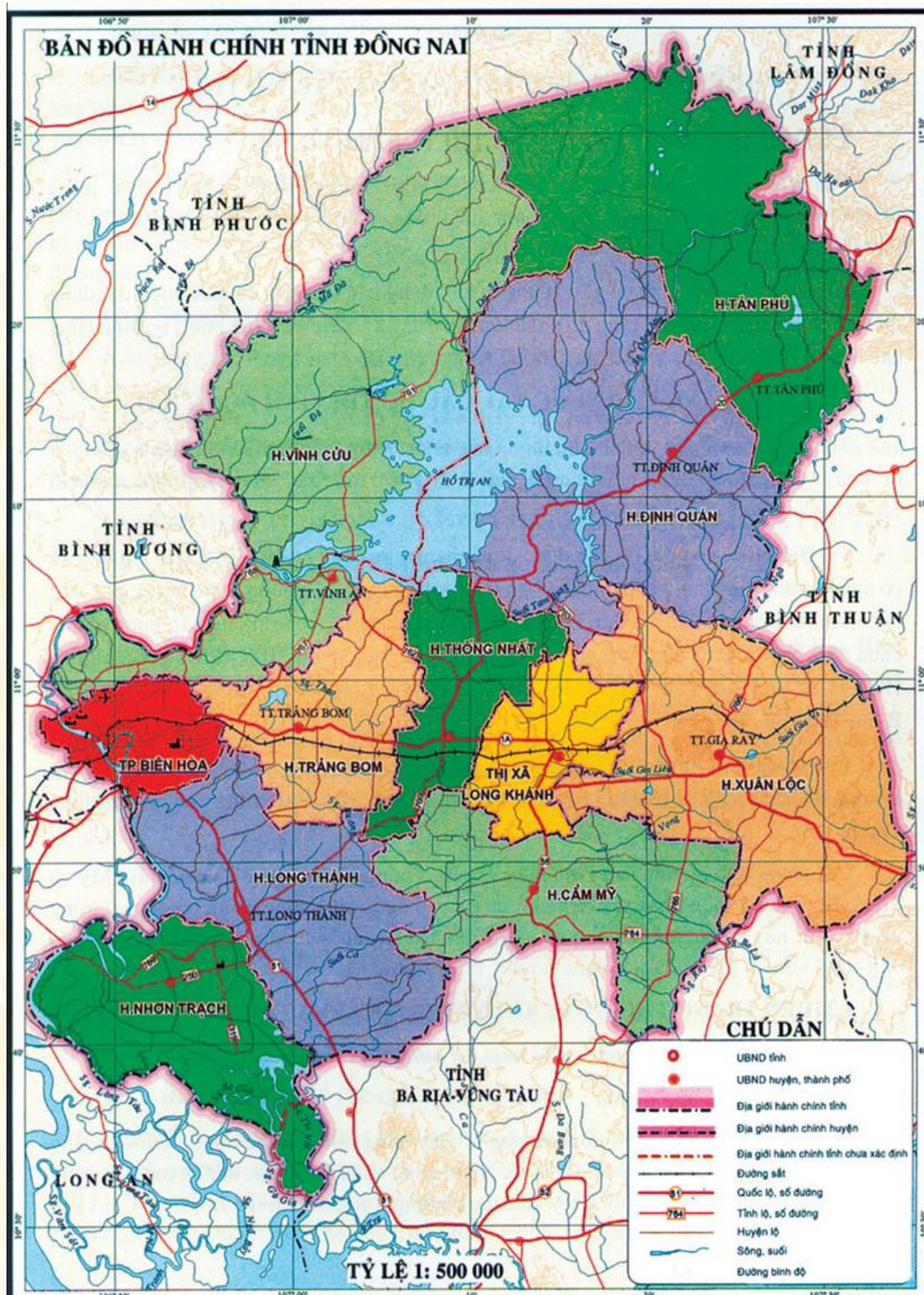


***Hình 18: Cầu Ghềnh được thiết kế bởi kiến trúc sư Pháp xây dựng từ năm 1907.***



*Hình 19, 20: Biên Hòa xưa và nay từ góc nhìn trên cao.*





Hình 21: Bản đồ thể hiện các phường, khu của TP. Biên Hòa.

**Câu 2:** *Hãy trình bày những hiểu biết và cảm nhận của bạn về di tích Văn miếu Trấn Biên. Qua đó hãy nêu những việc cần làm của bạn trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích đến mọi người.*

**Trả lời:**

***I. Văn miếu Trấn Biên – Những hiểu biết và cảm nhận về “Di tích Quốc gia”:***

***\* Lịch sử xây dựng :***

Năm 1698, khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào xứ Đồng Nai khai hoang mở cõi, dàn xếp biên cương, thiết lập cơ quan hành chính địa phương, lập phủ Gia Định và chính thức cho sáp nhập vùng đất cực Nam này vào bản đồ Đại Việt... Chỉ trong một thời gian ngắn, vùng Đồng Nai - Bến Nghé đã nhanh chóng trở nên trù phú, rộng lớn.

Để có nơi bảo tồn, phát huy và tôn vinh các giá trị văn hóa giáo dục xưa và nay của dân tộc Việt ở vùng đất mới, 17 năm sau, tức năm Ất Mùi (1715), chúa Nguyễn Phúc Chu sai trấn thủ Nguyễn Phan Long và ký lục Phạm Khánh Đức xây dựng Văn miếu Trấn Biên tại thôn Tân Lại, tổng Phước Dinh, huyện Phước Chánh (nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa). Đây là Văn miếu đầu tiên được xây dựng tại xứ Đàng Trong, có trước cả văn miếu ở Vĩnh Long, Gia Định và Huế.



***Hình 22. Hồ Thiên Quang Tỉnh trong Văn miếu.***

Và theo mô tả của Đại Nam nhất thống chí, thì Văn miếu Trấn Biên được xây dựng trên thế đất đẹp: Phía nam trông ra sông Phước Giang, phía bắc dựa vào núi Long Sơn, là một nơi cảnh đẹp thanh tú, cỏ cây tươi tốt... Bên trong rường cột chạm trổ, tinh xảo... Trong thành trăm hoa tươi tốt, có những cây tùng, cam quýt, bưởi, hoa sứ, mít, xoài, chuối và quả hồng xiêm đầy rẫy, sum sê, quả sai lại lớn....

Việc xây dựng Văn miếu trên mảnh đất “Trấn Biên” đối với chúa Nguyễn, không chỉ cho thấy sự sáng suốt của người đứng đầu xứ Đàng Trong; mà còn cho thấy nguyên lý xuyên suốt của sự nghiệp dựng nước luôn coi trọng việc kế thừa truyền thống văn hiến; không chỉ trên chiều dài của thời gian, mà cả trên chiều rộng của không gian gắn với sự nghiệp mở mang bờ cõi của dân tộc.



**Hình 23: Góc nhìn văn miếu Trấn Biên từ trên cao.**

Văn miếu Trấn Biên tuy ra đời sau Văn miếu Quốc Tử Giám (Thăng Long-Hà Nội), nhưng là Văn miếu được xây dựng sớm nhất ở phương Nam trước các Văn miếu Vĩnh Long, Gia Định. Trải qua thời gian, Văn miếu Trấn Biên được đại trùng tu hai lần:

Lần trùng tu thứ nhất vào năm Giáp Dần (1794). Khi ấy, chúa Nguyễn Phúc Ánh sai Lễ bộ Nguyễn Hồng Đô phụng mệnh tu bổ Văn miếu Trấn Biên. Công việc trùng tu được miêu tả trong Gia Định thành thông chí: “Giữa làm Đại Thành điện và Đại Thành môn, phía Đông làm Thần miếu, phía Tây làm Dục Thánh từ, trước xây tường ngang, phía Tả có cửa Kim Thanh, phía Hữu có cửa

Ngọc Chân, chính giữa sân trước dựng Khuê Văn các treo trống chuông trên đây, phía Tả có Sùng Văn đường, phía Hữu có Duy Lễ đường. Chu vi bốn mặt ngoài xây thành vuông, mặt tiền làm cửa Văn miếu, phía Tả, phía Hữu có hai cửa Nghi môn, rường cột chạm trổ, quy chế tinh xảo, đồ thờ có những thần bái, khám vàng, ve chén và đồ phủ quỹ biên đều chỉnh nhả tinh khiết”.

Lần trùng tu thứ hai vào năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý - 1852), với quy mô lớn hơn trước, theo Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn thì: “Văn miếu chính đường và tiền đường đều 5 gian, dựng thêm hai dãy tả vu và hữu vu, mỗi dãy 5 gian; đền Khải Thánh, chính đường và tiền đường đều 3 gian, một tòa cửa giữa 3 gian, một tòa cửa trước một gian, một tòa kho đồ thờ 3 gian, một tòa Khuê Văn các 2 tầng, ba gian hai chái; phía trước biển “Đại thành điện” đổi thành “Văn Miếu điện” và “Khải Khánh điện” đổi thành “Khải Thánh từ””.

Tên gọi Trấn Biên bắt đầu từ đơn vị hành chính buổi ban đầu: Dinh Trấn Biên, huyện Phước Long, phủ Gia Định. Dinh là trại quan quân. Huyện Phước Long có địa giới được ước định khá rộng thuộc miền Đông Nam Bộ ngày nay, gồm: tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và một phần tỉnh Bình Thuận, một phần thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm quận 2, quận 9 và quận Thủ Đức hiện nay).

Văn Miếu Trấn Biên ra đời được xem như là "Văn miếu Quốc Tử Giám" của Nam Bộ. Đây chính là biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa của người Việt phương Nam. Văn miếu là nơi thờ phụng các danh nhân văn hóa tiêu biểu của đất nước và là biểu trưng của nền văn hóa dân tộc. Với các công trình được xây dựng theo kiến trúc Văn miếu - Quốc Tử Giám ở Hà Nội, gồm các hạng mục: nhà thờ chính, tả vu hữu vu, sân hành lễ... thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, kính trọng hiền tài.

Năm 1861, Văn miếu Trấn Biên bị tiêu hủy trong cảnh Nam Bộ: “Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước. Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây” khi thực dân Pháp xâm lược.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đến năm 1998, nhân kỷ niệm Biên Hòa 300 năm hình thành và phát triển, Ý nguyện phục dựng lại Văn miếu Trấn Biên để nối mạch truyền thống của tiền nhân đã được khởi công khôi phục

Bài dự thi: “Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử tỉnh Đồng Nai” năm 2017

lại trên nền đất cũ. Sau khi xây dựng hoàn thiện vào năm 2002, Văn Miếu Trấn Biên trở thành một tổng thể kiến trúc – nghệ thuật uy nghi, đẹp đẽ.



***Hình 24: Lễ khánh thành Văn miếu Trấn Biên vào năm 2002.***



*Hình 25: Đêm xuân Trăn Biên.*



*Hình 26: Vườn tượng danh nhân văn hóa.*

**\* Công trình, kiến trúc của Văn miếu:**

Đây là công trình được xây dựng theo kiến trúc Văn Miếu Quốc Tử Giám ở Hà Nội, gồm các hạng mục: nhà thờ chính, tả vu hữu vu, sân hành lễ... thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, kính trọng hiền tài.

Nổi bật giữa vùng không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, là những vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc (gốm tráng men). Tuy chưa có dịp tham quan chính thức Văn miếu, nhưng thông qua việc tìm hiểu trên sách báo, truyền thông tôi thật sự ấn tượng đặc biệt với “Văn miếu Môn” (Cổng Văn miếu) có lối kiến trúc thật độc đáo và được mệnh danh là kinh thành Huế thu nhỏ với kết cấu lầu gác, là lối đi chính dẫn vào khu thờ tự bên trong.



*Hình 27: Văn miếu Môn - cổng chính.*

Từ Văn miếu môn lần lượt là nhà Bia, Khuê Văn Các, hồ Thiên quang Tỉnh, bên phải hồ Thiên quang Tỉnh có Nhà đề Danh, bên trái có Nhà truyền thống, tiếp đến là cổng Đại Thành, nhà thờ Đức Khổng Tử, bên phải có Thư Khố, bên trái có Văn Vật Khố và sau cùng là nhà thờ chính rộng lớn.

Nhà Bia: trên cả mặt trước và sau của bia có khắc Bài văn bia gồm 8 phần, mỗi phần gồm 10 câu do giáo sư - anh hùng lao động Vũ Khiêu biên soạn, nội dung khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, thể hiện khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới.

Tiếp đến là Khuê Văn Các. Khuê Văn Các: *gác vẽ đẹp ngôi sao Khuê, ngôi sao chủ đạo trong bầu trời văn học*. Thực sự tôi rất muốn đến và đứng trên gác của Khuê Văn Các một lần để được ngắm nhìn toàn bộ cảnh vật của Văn miếu Trấn Biên và hòa mình vào trong không khí, tiết trời xanh mát nơi đây.



**Hình 28: Khuê Văn Các.**





Bái Đường (Nhà thờ chính): xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch, trên các cột nhà treo đôi liễn đối. Bên trong nhà Bái đường Văn miếu Trấn Biên, không chỉ tôn vinh Gia Định Tam gia (Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh), mà còn tôn vinh nhiều danh nhân văn hóa của cả nước, của Nam bộ như Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm,

danh sĩ -

**Hình 30: Nhà Bia.**

nhà giáo dục Chu Văn An, nhà bác học Lê Quý Đôn, nhà giáo Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, nhà văn hóa Nguyễn Du, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt nhà giáo dục, nhà văn hóa kiệt xuất - Anh hùng giải phóng dân tộc - Danh nhân Văn hóa thế giới - Chủ tịch Hồ Chí Minh.



**Hình 32: Nhà Thờ Chính.**

**Hình 31: Nhà thờ Đức Khổng Tử: Khổng Tử là người khai sáng ra Nho giáo và Nho học thể hiện hơn nữa tinh thần tôn sư trọng đạo, tôn trọng tri thức dân tộc.**



Xưa kia, Văn miếu Trấn Biên chỉ thờ Khổng tử, bậc khai sáng nền Nho học và Nho giáo để thể hiện tinh thần trọng học. Đến nay, tinh thần trọng học đó vẫn còn được nhìn ngắm với tư tưởng Hồ Chí Minh, và trong thời đại Hồ Chí Minh, lấy chữ Văn với ý nghĩa là văn hóa - làm gốc.

Bên cạnh các đôi tượng thờ, trong Nhà Bái đường có những hiện vật thể hiện những giá trị có tính chất tiếp nối mạch nguồn của dân tộc kể từ khi Văn miếu Trấn Biên được phục dựng. Đó là tủ thờ 18 ký đất và 18 ký nước từ Đền Hùng, Văn bia Tiến sĩ năm 1442 (phục chế) và Trống hội Thăng Long. Giá trị truyền thống của Văn miếu Trấn Biên cho tới nay rất đáng trân trọng và đã sáng tạo những hình thức hoạt động đa dạng, đáp ứng được sự hưởng thụ của người dân địa phương.



**Hình 34: Tủ thờ 18 ký đất và 18 ký nước từ đền Hùng.**

Nơi đây thật tôn nghiêm và trang trọng, làm thế hệ học trò chúng tôi thêm hiểu biết, thêm yêu những trang sử vẻ vang, con người, mảnh đất quê hương. Trong tôi lâng lâng cảm xúc tự hào, niềm kính trọng và mến mộ đối với các bậc hiền tài, khơi dậy trong chúng tôi tinh thần học tập, đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, và tiếp bước hùng dũng như bao thế hệ đi trước.

Phía trước hai bên nhà thờ chính: Là Nhà Văn Vật khó ( nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa – Đồng Nai: nghề đồng, nghề mộc, nghề đá, nghề gốm. Đứng đối hài hòa với Nhà Văn vật khó là Nhà Thư khó - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo ... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai xưa và nay.

Ngoài ra, nơi Văn miếu Trấn Biên còn có khu sinh hoạt truyền thống gồm có nhà truyền thống không những là nơi tổ chức các buổi họp mặt, tọa đàm giới thiệu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt văn



**Hình 35: Nhà truyền thống trong Văn miếu**

hóa khác mà còn là nơi trưng bày triển lãm tranh ảnh, tư liệu về Văn Miếu Trấn Biên.

Xung quanh công trình Văn miếu Trấn Biên còn có khu Vườn tượng với khuôn viên cây xanh, đặt tượng các danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử của đất nước Việt Nam. Trong khu Vườn tượng phía trước Văn miếu Trấn Biên còn có hồ nước, đầm sen thiết kế hình ảnh quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa là của Việt Nam hết sức ý nghĩa, góp phần đưa những kiến thức lịch sử, đất nước, con người đến gần hơn với khách tham quan.



*Hình 36: Học sinh đến đặt hoa và dâng hương tại tượng đài Danh nhân văn hóa trong khu Vườn tượng.*

Ngoài khu Vườn tượng, Văn miếu trấn Biên còn có Hội quán Trấn Biên nơi ghi dấu những kỷ niệm và có một tiệm cà phê sách để du khách nghỉ chân, đọc sách, truyện. Tất cả đã tạo nên một tổng thể kiến trúc hài hòa, gây ấn tượng mạnh đối với du khách tham quan.

## ***II. Những việc cần làm của bản thân trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích đến mọi người:***

Hiện nay, quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế đã có những tác động nhất định, làm thay đổi phương thức tư duy, lối sống của thế hệ học sinh chúng tôi. Chúng tôi được biết nhiều hơn và dễ tiếp cận hơn về con người, sự kiện, di tích, lịch sử, phong tục, tập quán và văn hóa không chỉ trong nước mà cả các quốc gia trên thế giới. Có nhiều điều kiện khám phá thế giới, tiếp thu tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại và tri thức mới... Tuy nhiên, không ít bạn học sinh xa rời truyền thống, lịch sử, văn hóa của dân tộc. Không ít bạn có thái độ ứng xử, biểu hiện thờ ơ, lãng quên, đối với lịch sử văn hóa dân tộc mình. Bên cạnh đó, việc hội nhập và tiếp thu văn hóa thế giới, du nhập những hoạt động văn hóa tiêu cực, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Qua hội thi, tôi đã hiểu biết nhiều hơn về lịch sử - văn hóa của tỉnh nhà, thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của Văn miếu Trấn Biên – Di tích quốc gia - “Văn miếu Quốc Tử Giám” Nam bộ và là niềm tự hào của mảnh đất Đồng Nai. Phải hiểu “Di tích là những bằng chứng vật chất có ý nghĩa quan trọng, minh chứng về lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Di tích giúp cho con người biết được cội nguồn của dân tộc mình, hiểu về truyền thống lịch sử, đặc trưng văn hoá của đất nước và do đó có tác động ngược trở lại tới việc hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện đại”. Tham quan di tích chúng ta sẽ cảm nhận một cách chân thực về những con người, những sự kiện tiêu biểu, về lịch sử, về những văn hóa truyền thống của tỉnh nhà, những cảm nhận không dễ có được khi chỉ đọc những tư liệu ghi chép của đời sau, hoặc học các chương trình lịch sử một cách khô khan nhàm chán.

Là một học sinh được sinh ra và lớn lên tại quê hương Đồng Nai, tuy vị trí địa lý có cách hơi xa với di tích Văn miếu Trấn Biên, lại chưa một lần được ghé thăm di tích nhưng bản thân tôi nhận thấy mình cần phải góp sức mình vào công tác bảo vệ cảnh quan di tích cũng như giới thiệu di tích của tỉnh nhà đến với đông đảo bạn bè khắp đất nước mình và cả quốc tế.

**\* Để bảo vệ di tích:**

Nếu được đến tham quan di tích Văn miếu Trấn Biên tôi sẽ tuân thủ các quy định của di tích như:

+ Nếu đi tham quan theo đoàn cần phải tuân thủ và thực hiện theo yêu cầu của người hướng dẫn, không tự ý tách đoàn và bỏ đoàn đi nơi khác.

+ Trang phục phải thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự.

+ Nơi thờ cúng tôn nghiêm cần phải đi nhẹ, nói khẽ, không đùa giỡn, không chụp ảnh quay phim ở những nơi đã có bảng khuyến cáo.

+ Không ngắt, bẻ cây cối, hoa lá và giẫm đạp lên cỏ tại di tích, không vẽ lên tường, cột, các công trình, cây cối tại di tích...

+ Bỏ rác đúng nơi quy định, sẵn sàng cúi xuống nhặt rác và kêu gọi mọi người cùng giữ gìn vệ sinh chung tại khu di tích.

+ Không tự ý sờ, nắn các hiện vật, dù đó là hiện vật phục nguyên hay phục dựng trưng bày trong di tích hoặc lấy các đồ vật tại di tích nếu không có được sự cho phép. Tổ giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật di vật.

+ Không mua các hiện vật, di vật quốc gia ở các thị trường chợ đen. Theo khẩu hiệu “không mua, không giữ”



**Hình 37: Bảo vệ cảnh quan di tích (ảnh minh họa chụp tại Văn miếu Trấn Biên).**

bất kì hiện vật gì tại các khu di tích. Bởi tôi học được một câu nói rất có lý rằng: “Đừng mang gì đi, ngoài những tấm hình. Đừng để lại gì, ngoài những dấu chân”.

- Sẵn sàng bác bỏ những thông tin, quan điểm lệch lạc, không chính xác về di tích khi mình biết hoặc nghe thấy từ gia đình, bạn bè, các trang mạng xã hội, quần chúng khác...

**\* Công tác giới thiệu di tích:**

- Để làm tốt được tất cả những điều trên, góp sức mình trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích đến mọi người điều đầu tiên cần làm là tôi sẽ tìm hiểu kỹ về di tích: lịch sử hình thành, phát triển cũng như ý nghĩa quan trọng của di tích, đồng thời khái quát được những quy định tại di tích Văn miếu và cả pháp luật liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

- Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Văn miếu Trấn Biên đến những người xung quanh về giá trị và ý nghĩa, tầm quan trọng của di tích không chỉ đối với tỉnh nhà mà còn với cả quốc gia.

- Tại các buổi sinh hoạt lớp, xây dựng kế hoạch tổ chức trò chơi có kiến thức liên quan đến di tích Văn miếu Trấn Biên cũng như các di tích lịch sử văn hóa khác.

- Thảo luận với bạn bè trong lớp đề xuất với thầy cô tổ chức một buổi tham quan về nguồn, để các bạn cùng được đi thực tế và hiểu rõ sự trang trọng, uy nghi cũng như dễ dàng tiếp thu các kiến thức về lịch sử văn hóa, dân tộc.

- Có thể tham gia các trang web chính thống, đăng tải hình ảnh, bài viết, cảm nhận hay của mình về di tích, đồng thời giới thiệu nét đẹp của di tích đến với đông đảo bạn bè. Từ đó, tuyên truyền các bạn học sinh cùng tham gia. Chia sẻ, hưởng ứng các lễ hội văn hóa, giáo dục diễn ra tại di tích góp phần lan tỏa những giá trị tốt đẹp.



**Hình 38: Học sinh tham quan và sinh hoạt văn hóa tại di tích (ảnh minh họa).**

- Khích lệ các bạn cùng tham gia các cuộc thi viết bài và đóng góp ý kiến của mình liên quan đến việc tìm hiểu về các di tích văn hóa, lịch sử.



*Hình 39: Một góc cảnh quan Văn miếu Trấn Biên.*

Qua bài dự thi, trong tôi tràn ngập niềm tự hào về lịch sử vẻ vang của mảnh đất quê hương, của con người, của truyền thống văn hóa dân tộc, hi vọng một ngày không xa được đến tham quan các di tích. Bản thân tôi cảm thấy mình cần phải tích cực cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập, đặc biệt là học và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xứng đáng tiếp bước thế hệ cha ông đi trước; sẵn sàng góp sức nhỏ của mình trong công tác bảo vệ và phát huy những giá trị di tích, đưa tỉnh Đồng Nai giàu đẹp đến với tất cả mọi miền.

--- Hết ---

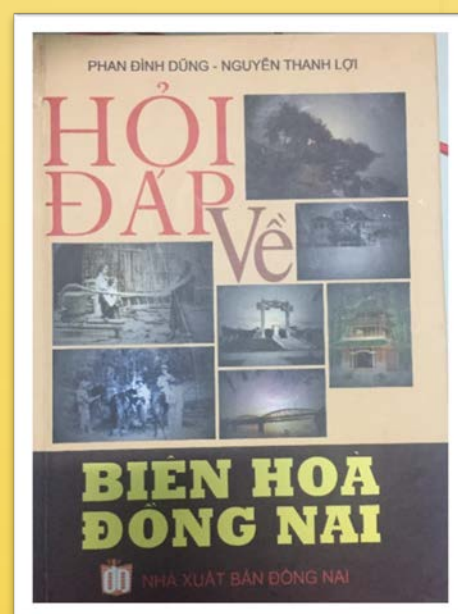
# Tài liệu tham khảo

## Các trang điện tử:

- Thư viện Đồng Nai: <http://www.thuviendongnai.gov.vn>
- Báo Đồng Nai: <http://baodongnai.com.vn>
- Ban Tuyên giáo: <http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>
- Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai <http://dost-dongnai.gov.vn>
- Wikipedia tiếng Việt: <https://vi.wikipedia.org>

## Sách tham khảo

- Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai, tác giả: Phan Đình Dũng – Nguyễn Thanh Lợi, NXB. Đồng Nai.
  - Biên Hòa xưa, tác giả: Ban Thường vụ Thành ủy Biên hòa, Nhà xuất bản Đồng Nai.
- \* Và một số tư liệu tham khảo khác.



- ❖ Ghi chú: Trong bài thi tác giả sưu tầm hình ảnh minh họa trên các trang mạng xã hội và trên các sách tham khảo trên.

# Phụ Lục

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Trang phụ bì	2
2	Lời mở đầu	3
3	Câu 1: I. Nguyễn Hữu Cảnh - một vị tướng lĩnh văn võ song toàn đã có công gây dựng nên vùng đất Biên Hòa-Đồng Nai:	4 - 12
	II. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển địa lý hành chính vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai từ 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay	13 - 25
4	Câu 2: <i>I. Văn miếu Trấn Biên – Những hiểu biết và cảm nhận về “Di tích Quốc gia”</i>	26 - 33
	<i>II. Những việc cần làm của bản thân trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích đến mọi người:</i>	34 - 36
6	Tài liệu tham khảo	37
7	Phụ lục	38



